

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 68/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch xây dựng
vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Xét đề nghị của Bộ Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu phát triển:

- Phát triển vùng đồng bằng sông Cửu Long theo hướng tăng trưởng xanh, bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu; có vai trò, vị thế quan trọng đối với quốc gia và khu vực Đông Nam Á.

- Phát triển vùng đồng bằng sông Cửu Long trở thành vùng trọng điểm quốc gia về sản xuất nông nghiệp và đánh bắt, nuôi trồng thủy sản; phát triển mạnh kinh tế biển, du lịch sinh thái cảnh quan sông nước.

- Phát triển không gian vùng với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, mang đặc thù của vùng đồng bằng sông Cửu Long nhằm phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo vệ môi trường cảnh quan sinh thái đặc trưng của vùng hạ lưu sông Mêkông, đảm bảo an ninh quốc phòng.

2. Phạm vi, quy mô:

Phạm vi vùng đồng bằng sông Cửu Long bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính của thành phố Cần Thơ và 12 tỉnh: Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Trà Vinh, Hậu Giang, An Giang, Sóc Trăng, Kiên Giang, Bạc Liêu và Cà Mau. Tổng diện tích toàn vùng khoảng 40.604,7 km².

3. Tính chất:

- Là vùng trọng điểm về sản xuất lương thực, thủy sản, cây ăn trái của quốc gia; đảm bảo an ninh lương thực quốc gia và có vai trò quan trọng trong xuất khẩu nông, thủy sản cho thị trường thế giới.

- Là trung tâm công nghiệp chế biến nông sản, thủy sản, công nghiệp điện năng, công nghiệp phụ trợ nông nghiệp tầm quốc gia.

- Là trung tâm dịch vụ, du lịch sinh thái cảnh quan đặc trưng vùng hạ lưu sông Mêkông mang tầm quốc gia và quốc tế.

- Là vùng có vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh.

4. Chỉ tiêu dân số, đô thị hóa, đất xây dựng đô thị và nông thôn:

- Dự báo dân số, tỷ lệ đô thị hóa: Đến năm 2030 dân số toàn vùng khoảng 18 - 19 triệu người, trong đó dân số đô thị khoảng 6,5 - 7,5 triệu người; tương ứng tỉ lệ đô thị hóa 35% - 40% với tốc độ tăng bình quân 2,4% - 3,3%/năm.

- Dự báo đất đai: Đất xây dựng đô thị đến năm 2030 khoảng 70.000 - 90.000 ha, bình quân 90 - 120 m²/người.

5. Mô hình phát triển và cấu trúc không gian:

a) Mô hình phát triển:

Phát triển vùng đồng bằng sông Cửu Long theo mô hình đa trung tâm với quy mô trung bình trên cơ sở phát triển các vùng sinh thái nông nghiệp đặc trưng, phù hợp với phân vùng phát triển kinh tế và thích ứng với những ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, nhằm phát triển nền nông nghiệp đa dạng, có trình độ chuyên môn hóa cao trên cơ sở công nghiệp hóa và thương mại hóa nông nghiệp. Cụ thể:

- Phát triển hệ thống đô thị trong vùng theo tầng bậc, làm cơ sở hình thành các trung tâm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội

- Phát triển theo mô hình đô thị nén; hạn chế mở rộng, phát triển đô thị tập trung quy mô lớn và trên diện rộng; không hình thành các vùng đô thị hóa, các dải đô thị hóa liên tục tại các khu vực ngập sâu, giữa đồng bằng và ven biển.

- Thiết lập không gian dành cho nước (trữ nước, điều tiết nước, thấm nước) theo tầng bậc địa hình trong phạm vi cấp vùng và đô thị.

- Phát triển đồng bộ hệ thống giao thông thủy - bộ, quản lý nước tích hợp và cân bằng đào đắp trong xây dựng, phát triển đô thị.

- Phát triển và bảo vệ các vùng sinh thái, cảnh quan tự nhiên đặc trưng gắn với chuyển đổi vùng sản xuất nông lâm nghiệp và bảo vệ tài nguyên nước trong vùng.

Hình thành 06 vùng sinh thái nông nghiệp dựa trên trọng tâm phát triển nông nghiệp đa dạng và chuyên môn hóa cao, công nghiệp hóa và thương mại hóa nông nghiệp theo thế mạnh của từng vùng gồm: Đồng Tháp Mười, Tứ giác Long Xuyên, dọc sông Tiền - sông Hậu, Tây sông Hậu, Bán đảo Cà Mau và ven biển Đông.

b) Cấu trúc không gian vùng:

Căn cứ vào đặc điểm địa lý lãnh thổ đặc thù trong vùng, tác động của biến đổi khí hậu, các định hướng chiến lược phát triển chính của quốc gia và mô hình phát triển vùng, vùng đồng bằng sông Cửu Long được phân thành 03 tiểu vùng với các trục kết nối vùng như sau:

- Các tiểu vùng

+ Tiểu vùng ngập sâu: Gồm một phần các tỉnh Long An, Đồng Tháp, An Giang và Tiền Giang, thuộc vùng Đồng Tháp Mười và một phần Tứ giác Long Xuyên.

+ Tiểu vùng giữa đồng bằng: Gồm thành phố Cần Thơ, tỉnh Vĩnh Long và một phần các tỉnh: An Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng, Hậu Giang, Đồng Tháp, Bến Tre, Tiền Giang, Long An.

+ Tiểu vùng ven biển: Gồm các tỉnh Cà Mau, Bạc Liêu, Trà Vinh và một phần các tỉnh Kiên Giang, Sóc Trăng, Hậu Giang, Bến Tre, Tiền Giang, Long An.

- Các trục kết nối chính

Các trục chính có vai trò kết nối các trung tâm kinh tế, cửa khẩu quốc tế và cảng biển trong vùng, gồm:

+ Các trục chính hướng Đông Bắc - Tây Nam gồm: Cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ - Cà Mau; quốc lộ 1 (Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ - Cà Mau); đường Hồ Chí Minh - N2 (Đức Hòa - Cao Lãnh - Long Xuyên - Rạch Giá); đường ven biển Đông (Mỹ Tho - Bến Tre - Trà Vinh - Sóc Trăng - Bạc Liêu - Cà Mau).

+ Các trục chính hướng Tây Bắc - Đông Nam gồm: Cao tốc Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu; trục dọc Sông Hậu đi qua Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng.

Các trục đường cao tốc: Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ - Cà Mau và Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu có vai trò là các trục xương sống của toàn vùng.

+ Các trục giao thông thủy: Thành phố Hồ Chí Minh - Cà Mau (qua kênh Xà No), thành phố Hồ Chí Minh - Cà Mau (tuyến duyên hải), thành phố Hồ Chí Minh - Kiên Lương - Hà Tiên, Cà Mau - Rạch Giá - Hà Tiên; và 6 trục ngang kết nối Campuchia và biển Đông qua các sông: Sông Tiền, Sông Hậu, Hàm Luông, Cổ Chiên, Vàm Cỏ Tây, Vàm Cỏ Đông.

6. Định hướng phát triển không gian vùng:

a) Định hướng phát triển các tiểu vùng:

- Tiểu vùng ngập sâu: Diện tích chiếm khoảng 15% diện tích tự nhiên của vùng, gồm các huyện, thị xã ở phía Tây tỉnh Long An; phía Bắc các tỉnh: Đồng Tháp, An Giang và phía Tây Bắc tỉnh Tiền Giang.

Các đô thị trọng điểm gồm: Châu Đốc, Tân Châu (An Giang); Hồng Ngự, Mỹ An (Đồng Tháp); Kiến Tường (Long An).

Trên cơ sở điều kiện địa hình tự nhiên, tính toán để trữ nước ngọt tại vùng ngập sâu, hình thành các khu vực ngập nước theo mùa nhằm chủ động về nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, góp phần đẩy mặn, giảm ngập lụt tại vùng ngập nông và các đô thị tại tiểu vùng giữa đồng bằng. Tạo lập một số khu vực giữ nước thường xuyên cùng với chuyển đổi sản xuất sang nuôi trồng thủy sản nước ngọt, trồng tràm,... Hạn chế mở rộng, phát triển đô thị với quy mô lớn, từng bước chuyển đổi hình thái đô thị thích ứng với điều kiện ngập mới.

- Tiểu vùng giữa đồng bằng: Diện tích chiếm khoảng 38% diện tích tự nhiên của vùng, gồm thành phố Cần Thơ và các huyện, thị xã ở phía Bắc các tỉnh: An Giang, Kiên Giang và Sóc Trăng; phía Tây các tỉnh: Bến Tre, Vĩnh Long và Trà Vinh (một phần các huyện Càng Long, Cầu Kè); phía Đông Nam tỉnh Long An; phía Tây Nam tỉnh Tiền Giang; phía Nam tỉnh Đồng Tháp và phía Đông Bắc tỉnh Hậu Giang.

Các đô thị trọng điểm gồm: Cần Thơ; Vĩnh Long, Long Xuyên, Bình Minh (Vĩnh Long), Tịnh Biên (An Giang), Ngã Bảy (Hậu Giang), Cao Lãnh, thành phố Sa Đéc (Đồng Tháp), Bến Tre (Bến Tre), Mỹ Tho, Cai Lậy (Tiền Giang), Tân An, Bến Lức, Đức Hòa (Long An).

Là vùng ngập nông, có điều kiện thổ nhưỡng thuận lợi để phát triển nông nghiệp đa dạng và chuyên sâu, do đó cần tiết kiệm đất đai trong xây dựng đô thị; phát triển đô thị theo mô hình đô thị nén, hạn chế mở rộng dàn trải, tránh hình thành các vùng đô thị hoá, dải đô thị hoá liên tục, giành quỹ đất để phát triển nông nghiệp. Tổ chức không gian đô thị trong vùng cần thiết lập các không gian dành cho nước (trữ nước, điều tiết nước và thấm nước); cân bằng đào đắp trong xây dựng phát triển đô thị nhằm hạn chế ngập lụt, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tiểu vùng ven biển và hải đảo: Diện tích chiếm khoảng 47% diện tích tự nhiên của vùng, gồm các tỉnh: Cà Mau, Bạc Liêu và các huyện, thành phố, thị xã ở phía Tây Nam các tỉnh: Kiên Giang, Hậu Giang; phía Nam các tỉnh: Sóc Trăng, Trà Vinh, Vĩnh Long, Bến Tre, Tiền Giang và Long An.

Các đô thị trọng điểm gồm: Rạch Giá, Phú Quốc, Hà Tiên (Kiên Giang); Cà Mau, Sông Đốc, Năm Căn (Cà Mau); Bạc Liêu, Giá Rai (Bạc Liêu); Sóc Trăng, Vĩnh Châu, Ngã Năm (Sóc Trăng); Vị Thanh, Long Mỹ (Hậu Giang); Trà Vinh, Duyên Hải (Trà Vinh); Gò Công (Tiền Giang), Cần Giuộc (Long An).

Tại khu vực ven biển chịu ảnh hưởng của xâm nhập mặn, cần chuyển đổi sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy hải sản theo hướng bền vững, gắn với trồng rừng ngập mặn ven biển, khôi phục các hệ sinh thái rừng ở bán đảo Cà Mau, thúc đẩy quá trình bồi lắng và lấn biển tự nhiên. Phát triển đô thị, dân cư tập trung theo hình thái lãnh thổ (giồng cát, bãi bồi) tại vùng ven biển Đông, bán đảo Cà Mau và khu vực ven biển thuộc Tứ giác Long Xuyên.

Tại khu vực hải đảo, xây dựng và phát triển đô thị bền vững, hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo tồn di tích lịch sử, văn hóa và bảo vệ môi trường; bảo đảm an ninh, quốc phòng vùng và quốc gia. Từng bước xây dựng và hoàn thiện kết cấu hạ tầng, hướng tới hình thành các trung tâm du lịch và dịch vụ cao cấp của quốc gia và khu vực Đông Nam Á.

b) Định hướng phát triển hệ thống đô thị:

Tập trung nâng cao chất lượng đô thị, đáp ứng xu hướng gia tăng dân số tại tiểu vùng giữa đồng bằng; hạn chế quy mô phát triển đô thị tương ứng với giảm dần quy mô dân số tại các tiểu vùng ngập sâu và tiểu vùng ven biển. Phát triển đô thị với quy mô vừa và nhỏ phù hợp với điều kiện tự nhiên và đặc thù kinh tế xã hội của vùng để có các giải pháp thích ứng với các tác động biến đổi khí hậu và tác động của thượng nguồn sông Mê công.

Mạng lưới đô thị được điều chỉnh về tầng bậc để hình thành các trung tâm đô thị của các vùng sinh thái nông nghiệp, nhằm thúc đẩy chuyên môn hóa và đa dạng hóa nền kinh tế, hiện đại hóa nông nghiệp theo đặc trưng và lợi thế của từng vùng sinh thái nông nghiệp. Tổ chức mạng lưới gồm 37 đô thị trọng điểm có vai trò cấp vùng và tiểu vùng, trong đó 14 đô thị phân bố tại tiểu vùng giữa đồng bằng, 18 đô thị tại tiểu vùng ven biển và 5 đô thị tại tiểu vùng ngập sâu. Cụ thể:

- Thành phố Cần Thơ là đô thị loại I trực thuộc trung ương, có vai trò là trung tâm dịch vụ thương mại, y tế, nghiên cứu đào tạo, văn hóa, du lịch, công nghiệp chế biến của toàn vùng và tiểu vùng giữa đồng bằng.

- Các đô thị loại I có vai trò cấp vùng bao gồm 06 đô thị tỉnh lỵ: Mỹ Tho (Tiền Giang), Tân An (Long An), Long Xuyên (An Giang), Rạch Giá (Kiên Giang), Cà Mau (Cà Mau) và Bạc Liêu (Bạc Liêu). Trong đó:

+ Thành phố Mỹ Tho có vai trò là một trong những trung tâm dịch vụ thương mại, du lịch của tiểu vùng giữa đồng bằng tại khu vực phía Bắc sông Tiền; một cực phát triển phía Tây Nam của vùng thành phố Hồ Chí Minh; đô thị cửa ngõ giữa vùng Thành phố Hồ Chí Minh và vùng Đồng bằng Sông Cửu Long; trung tâm nông nghiệp công nghệ cao về cây ăn trái và trung tâm dịch vụ du lịch miệt vườn.

+ Thành phố Tân An có vai trò như một cực phát triển phía Đông Bắc của vùng đồng bằng sông Cửu Long, đô thị cửa ngõ giữa vùng Thành phố Hồ Chí Minh và vùng đồng bằng sông Cửu Long; là trung tâm thương mại dịch vụ cấp vùng.

+ Thành phố Long Xuyên có vai trò là một trong những trung tâm thương mại dịch vụ của tiểu vùng giữa đồng bằng tại khu vực phía Nam sông Hậu; là trung tâm chuyên giao công nghệ về nông nghiệp công nghệ cao, đặc biệt là lúa gạo và thủy sản nước ngọt.

+ Thành phố Rạch Giá có vai trò là trung tâm tiểu vùng ven biển tại khu vực phía Tây sông Hậu; là trung tâm kinh tế biển, thương mại dịch vụ của hành lang ven biển Tây.

+ Thành phố Cà Mau có vai trò là trung tâm tiểu vùng ven biển tại khu vực bán đảo Cà Mau; là trung tâm năng lượng và dịch vụ dầu khí quốc gia, trung tâm dịch vụ du lịch sinh thái, trung tâm chế biến thủy sản của vùng.

+ Thành phố Bạc Liêu có vai trò là trung tâm tiểu vùng ven biển tại khu vực ven biển Đông; là trung tâm văn hóa, du lịch, trung tâm kinh tế biển, nuôi trồng thủy sản nước lợ, năng lượng sạch.

- Các đô thị loại II có 09 đô thị, gồm 07 đô thị là các trung tâm tỉnh lỵ, trung tâm kinh tế xã hội của các tỉnh, gồm: Gò Công (Tiền Giang), Bến Tre (Bến Tre), Vĩnh Long (Vĩnh Long), Cao Lãnh (Đồng Tháp), Trà Vinh (Trà Vinh), Sóc Trăng (Sóc Trăng), Vị Thanh (Hậu Giang) và 02 đô thị du lịch: Phú Quốc (Kiên Giang) và Châu Đốc (An Giang).

- Đô thị loại III và IV có 21 thành phố/thị xã, là các đô thị trực thuộc tỉnh có vai trò trung tâm tiểu vùng thuộc tỉnh, gồm:

+ Các đô thị Sa Đéc (Đồng Tháp), Ngã Bảy (Hậu Giang), Tịnh Biên (An Giang), Bình Minh (Vĩnh Long), Cai Lậy (Tiền Giang), Đức Hòa, Bến Lức (Long An) thuộc vùng giữa đồng bằng.

+ Các đô thị Hà Tiên, Kiên Lương (Kiên Giang), Sông Đốc, Năm Căn (Cà Mau), Giá Rai (Bạc Liêu), Vĩnh Châu, Ngã Năm (Sóc Trăng), Long Mỹ (Hậu Giang), Duyên Hải (Trà Vinh) và Cần Giuộc (Long An) thuộc tiểu vùng ven biển.

+ Các đô thị Tân Châu (An Giang), Hồng Ngự, Mỹ An (Đồng Tháp), Kiến Tường (Long An) thuộc vùng ngập sâu.

c) Định hướng phát triển khu dân cư nông thôn:

- Tập trung nguồn lực để xây dựng nông thôn mới; xây dựng nông thôn theo hướng kết hợp cải tạo không gian cũ với phát triển mới tại các điểm dân cư nông thôn gắn với mô hình sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Phát triển hình thái không gian dân cư nông thôn theo đặc trưng của từng tiểu vùng: Tại tiểu vùng ngập sâu, hình thành các cụm dân cư tập trung với hình thái nhà trên cọc; tại tiểu vùng giữa đồng bằng phát triển các khu dân cư tập trung theo hướng hiện đại hoá và tăng mật độ; tại tiểu vùng ven biển hình thành các khu dân cư tập trung theo hình thức các cụm công trình nổi gắn kết với cảnh quan rừng ngập mặn và không gian nuôi trồng thủy hải sản.

- Định hướng phát triển nông thôn thích ứng với biến đổi khí hậu như: Sử dụng các biện pháp tự nhiên như trồng rừng, mở rộng không gian để trữ, điều tiết và thấm nước; tăng cường giao thông thủy; xây dựng hình thái nhà ở và công trình thích ứng với lũ lụt, cải thiện không gian ở, không gian sinh hoạt cộng đồng truyền thống gắn với các không gian cảnh quan sản xuất đặc thù của địa phương tại khu dân cư vượt lũ; tập trung nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội nhằm đảm bảo chất lượng sống và điều kiện sản xuất cho người dân. Bảo tồn các làng nghề truyền thống, làng văn hóa, các cộng đồng thiểu số, kết hợp phát triển du lịch.

d) Định hướng phát triển công nghiệp:

- Tập trung phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản và thực phẩm theo hướng gắn với vùng sản xuất nguyên liệu, đa dạng hóa sản phẩm và mở rộng thị trường tiêu thụ. Phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ nông nghiệp như sản phẩm hóa chất, cơ khí phục vụ nông nghiệp, thủy sản. Khuyến khích, thúc đẩy phát triển công nghiệp năng lượng sạch, năng lượng tái tạo được như năng lượng gió, mặt trời và sinh khối.

- Ưu tiên đầu tư phát triển và khai thác tối đa các khu công nghiệp đã được thành lập đến năm 2030, trong đó tăng cường các ngành công nghiệp chế biến và công nghiệp phụ trợ nông nghiệp, với tổng diện tích các khu công nghiệp tập trung là 15.000 - 17.000 ha, có thể đạt đến 20.000 - 24.000 ha sau năm 2030. Hạn chế mở rộng phát triển thêm các khu công nghiệp khi chưa đạt tỷ lệ lấp đầy cao tại các khu công nghiệp hiện hữu. Rà soát, đánh giá lại các khu công nghiệp đã thành lập nhưng chưa được đầu tư xây dựng để có kế hoạch chuyển đổi mục đích sử dụng đảm bảo sử dụng đất hiệu quả. Hạn chế các ngành công nghiệp gây ô nhiễm môi trường.

- Phân bố khu công nghiệp theo các khu vực trọng điểm cụ thể như sau:

+ Các khu công nghiệp đa ngành của vùng chủ yếu phân bố tại các tỉnh Long An và Tiền Giang, thuộc khu vực tiếp giáp thành phố Hồ Chí Minh, với tổng diện tích khoảng 10.000 ha.

+ Trung tâm công nghiệp chế biến nông - thủy sản và năng lượng của vùng bố trí tại thành phố Cần Thơ với tổng diện tích các khu công nghiệp khoảng 1.500 - 1.800 ha, bao gồm các khu công nghiệp tại Trà Nóc, Ô Môn, Thốt Nốt.

+ Các trung tâm năng lượng, công nghiệp chế biến thủy hải sản với quy mô khoảng 2.000 - 2.400 ha phân bố chủ yếu tại tỉnh Cà Mau, Trà Vinh, Sóc Trăng, Kiên Giang và Bạc Liêu được phát triển gắn với các trung tâm điện lực, điện gió và khu kinh tế biển.

+ Tại các tỉnh còn lại chủ yếu phát triển công nghiệp chế biến các sản phẩm nông - ngư nghiệp, công nghiệp phụ trợ nông nghiệp phục vụ địa phương.

- Các cụm công nghiệp có quy mô vừa và nhỏ phục vụ nông nghiệp và các ngành tiểu thủ công nghiệp truyền thống, làng nghề, phát triển cân bằng dựa trên thế mạnh của địa phương về nông - lâm - ngư nghiệp, bảo vệ môi trường và sinh thái. Giữ gìn và gắn kết các làng nghề truyền thống với phát triển du lịch. Xây dựng hình thái không gian cụm công nghiệp và làng nghề thích ứng với các vùng sinh thái, đặc điểm cảnh quan và biến đổi khí hậu.

d) Định hướng phát triển du lịch vùng:

Vùng đồng bằng sông Cửu Long là vùng trọng điểm du lịch quốc gia với các sản phẩm du lịch đa dạng, đặc thù của vùng sinh thái sông nước, biển đảo.

- Phát triển các khu du lịch, điểm du lịch cấp quốc gia, cấp vùng gắn với việc bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên (đồi núi, rừng, sông hồ...) và bảo tồn các giá trị văn hóa - lịch sử gồm: Khu du lịch quốc gia Phú Quốc, Năm Căn - Mũi Cà Mau, Tràm Chim - Láng Sen, Núi Sam, Thới Sơn; điểm du lịch quốc gia: Cù lao Ông Hổ, Khu lưu niệm Cao Văn Lầu, bến Ninh Kiều, Ao Bà Om, Hà Tiên, Văn Thánh Miếu...

- Các đô thị Cần Thơ, Phú Quốc và Mỹ Tho là trung tâm du lịch của toàn vùng, trong đó:

+ Thành phố Cần Thơ là trung tâm của không gian du lịch phía Tây, gồm các tỉnh, thành phố: An Giang, Kiên Giang, Đồng Tháp, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau và Cần Thơ. Phát triển du lịch tham quan đất Mũi, Tây Đô; nghỉ dưỡng biển đảo; du lịch sinh thái; nghiên cứu tìm hiểu văn hóa, di tích lịch sử và lễ hội.

+ Thành phố Mỹ Tho là trung tâm của không gian du lịch phía Đông gồm các tỉnh Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long và Trà Vinh. Phát triển du lịch sông nước, miệt vườn; tham quan làng nghề, di tích lịch sử, cách mạng; du lịch cộng đồng.

- Thiết lập các tuyến du lịch cấp vùng trên cơ sở kết nối các di sản tự nhiên và văn hóa.

- Đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch, đảm bảo liên kết giữa các vùng, khu và điểm du lịch trên địa bàn vùng...; hoàn thiện các trung tâm dịch vụ, cơ sở lưu trú, lễ hành kết nối với các vùng, khu, điểm du lịch trong vùng và các vùng lân cận khác, phát huy thế mạnh các sản phẩm đặc trưng của vùng.

e) Định hướng phát triển thương mại và dịch vụ:

- Phát triển trung tâm thương mại - dịch vụ - tài chính cấp vùng tại thành phố Cần Thơ trở thành đầu mối phân phối lưu thông hàng hóa giữa vùng đồng bằng sông Cửu Long với Thành phố Hồ Chí Minh và Vương quốc Campuchia, về hàng hóa nông sản như: Lúa gạo, thủy sản, trái cây,... Các trung tâm dịch vụ thương mại cấp tiểu vùng nằm tại các đô thị trọng điểm của tiểu vùng, các khu kinh tế biển và các khu kinh tế cửa khẩu.

- Các trung tâm dịch vụ nằm tại các đô thị trung tâm của các tiểu vùng như: Cần Thơ, Rạch Giá, Cà Mau, Bạc Liêu, Hồng Ngự, Hà Tiên,..., bao gồm các trung tâm nghiên cứu và phát triển sản phẩm nông nghiệp, các trung tâm dịch vụ hàng hóa, hỗ trợ sản xuất, xúc tiến thương mại gắn với các vùng sinh thái nông nghiệp.

- Phát triển các trung tâm dịch vụ kho vận cấp vùng tại thành phố Cần Thơ, phục vụ các tỉnh, thành phố Cần Thơ, Vĩnh Long, Trà Vinh, Hậu Giang, An Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau; tại Long An phục vụ các tỉnh Long An, Tiền Giang, Đồng Tháp, Bến Tre. Ngoài ra, hình thành các trung tâm dịch vụ kho vận gắn với cảng biển nước sâu của vùng.

- Các trung tâm thương mại chợ đầu mối: Tập trung phát triển tại các vùng sản xuất nông nghiệp - công nghiệp chế biến có quy mô - sản lượng lớn, thuận lợi trong kết nối với hệ thống giao thông đường thủy, đường bộ; kết cấu gồm: Trung tâm giao dịch hàng hóa, trung tâm bán buôn, trung tâm phân phối, tổng kho đầu mối.

- Trung tâm của các khu kinh tế trong vùng gắn với các đô thị trọng điểm tại các tiểu vùng, gồm: Phú Quốc (đặc khu kinh tế Phú Quốc), Duyên Hải (khu kinh tế Định An), Năm Căn (khu kinh tế Năm Căn), Tân Châu, Tịnh Biên (khu kinh tế cửa khẩu An Giang), Hà Tiên (khu kinh tế cửa khẩu Hà Tiên), Hồng Ngự (khu kinh tế cửa khẩu Đồng Tháp) và Kiến Tường (khu kinh tế cửa khẩu Long An).

g) Định hướng phát triển nghiên cứu khoa học, giáo dục và đào tạo

- Hình thành các khu đại học tập trung với kết cấu hạ tầng đồng bộ. Ưu tiên dành quỹ đất mở rộng các trường theo tiêu chí trường chuẩn quốc gia và và quốc tế. Các trường đại học có các ngành trọng điểm cho toàn vùng và cả nước như nông nghiệp, công nghệ thực phẩm và sinh học, kinh tế - kỹ thuật.

- Thành phố Cần Thơ là trung tâm đào tạo cấp quốc gia và vùng đồng bằng sông Cửu Long với Đại học Cần Thơ là đại học đa ngành trọng điểm cấp quốc gia và các trường đại học gắn với các ngành y tế, văn hoá, xã hội nhân văn, y tế, kỹ thuật - công nghệ. Tại các tiểu vùng, mạng lưới trường đại học được phân bố tại đô thị tỉnh lỵ của các tỉnh: Vĩnh Long, Long An, Tiền Giang, Đồng Tháp, Trà Vinh, An Giang, Hậu Giang, Kiên Giang và Bạc Liêu.

- Tập trung phát triển các trường cao đẳng cộng đồng, dạy nghề, y tế, sư phạm, kinh tế - kỹ thuật, kỹ thuật xây dựng được phân bố tại thành phố Cần Thơ và 12 tỉnh trong vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Tiếp tục hình thành và phát triển các trung tâm nghiên cứu khoa học chuyên sâu cấp vùng và quốc gia tại thành phố Cần Thơ, tập trung vào các lĩnh vực nông nghiệp (cây ăn trái, lúa gạo, thủy sản), công nghệ sinh học, môi

trường và biến đổi khí hậu. Hình thành trung tâm nghiên cứu đa dạng sinh học tại Phú Quốc hướng tới nghiên cứu bảo vệ các hệ sinh thái và đa dạng sinh học biển đảo gắn với các hoạt động du lịch và giáo dục cộng đồng.

h) Định hướng phát triển y tế và văn hóa, thể dục thể thao

- Y tế:

+ Thành phố Cần Thơ có vai trò trung tâm y tế của vùng đồng bằng sông Cửu Long với sự tập trung của các bệnh viện đa khoa và bệnh viện chuyên khoa cấp vùng.

+ Các bệnh viện đa khoa tại các đô thị tỉnh lỵ tạo nên mạng lưới các trung tâm y tế tại địa phương, hỗ trợ cho trung tâm y tế cấp vùng tại thành phố Cần Thơ.

- Văn hóa, thể dục thể thao:

Thành phố Cần Thơ và các tỉnh trong vùng với nhiều nét văn hóa, lịch sử đặc trưng; tập trung nhiều công trình văn hóa, thể dục thể thao tầm cỡ vùng và quốc gia. Phát triển văn hoá, thể dục - thể thao theo hướng bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá dân tộc trở thành thương hiệu văn hóa - nghệ thuật của vùng. Hình thành các trung tâm thể dục thể thao cấp vùng tại thành phố Cần Thơ, Cao Lãnh, Tân An; các trung tâm văn hoá gắn với các di sản văn hoá nghệ thuật của vùng tại thành phố Cần Thơ, Bạc Liêu, Trà Vinh. Xây dựng và phát triển trung tâm hội chợ triển lãm quốc tế tại thành phố Cần Thơ.

i) Định hướng phát triển nông, lâm nghiệp:

- Các vùng sản xuất chính phân bố theo ba vùng hình thái phát triển thích ứng biến đổi khí hậu - nước biển dâng:

+ Thủy sản nước ngọt và rừng tràm phân bố tại vùng ngập sâu (diện tích tự nhiên khoảng 600.000 ha), trên cơ sở hình thành các khu vực kiểm soát ngập và trữ nước ngọt bằng hệ thống đê:

+ Lúa gạo, rau và trái cây tại vùng giữa đồng bằng (diện tích tự nhiên khoảng 1,5 triệu ha);

+ Nuôi trồng thủy - hải sản kết hợp với phát triển rừng ngập mặn được tập trung tại vùng ven biển (diện tích tự nhiên khoảng 1,9 triệu ha).

- Các vùng rừng và bảo tồn cảnh quan sinh thái: Phục hồi và phát triển hệ thống rừng ngập mặn tại bán đảo Cà Mau, hành lang ven biển Đông và hành lang ven biển Tây, kết nối và gắn liền trong các khu dự trữ sinh quyển Kiên Giang và Cà Mau; các khu vực rừng tràm tại Tây - Bắc bán đảo Cà Mau (khu vực U Minh Thượng - U Minh Hạ), vùng Đồng Tháp Mười, Tứ Giác Long Xuyên; rừng sản xuất tại vùng Tây sông Hậu và Bắc Long An. Hình thành các hành lang sinh thái ven sông, kênh, kết nối bảo vệ các khu vực rừng tràm.

- Bảo tồn và phát triển Khu dự trữ sinh quyển Kiên Giang và Khu dự trữ sinh quyển Mũi Cà Mau.

- Bảo tồn nghiêm ngặt hệ thống rừng đặc dụng (tổng diện tích 95.000 ha) theo Quy hoạch hệ thống rừng đặc dụng cả nước đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Bảo tồn, phát triển và kết nối các vùng cây ăn trái khu vực sông Tiền sông Hậu, từ phía thượng nguồn đến giáp tiểu vùng ven biển Đông, đặc biệt thuộc các tỉnh Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Cần Thơ, Hậu Giang.

7. Định hướng phát triển hệ thống giao thông:

Trên cơ sở hạ tầng giao thông hiện có, đầu tư nâng cấp và phát triển hoàn thiện hệ thống giao thông vùng. Đảm bảo nhu cầu về giao thông vận tải, tạo mối liên kết chặt chẽ và đồng bộ giữa các loại hình vận tải, đặc biệt là giao thông đường thủy và đường bộ. Chú trọng phát triển giao thông công cộng trong các đô thị và kết nối giữa các đô thị trong vùng bằng các phương tiện giao thông hiện đại, thân thiện với môi trường.

a) Đường bộ:

- Hoàn thiện và xây mới các tuyến đường cao tốc: Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương - Cần Thơ - Cà Mau; Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu; Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng.

- Các quốc lộ hiện hữu cải tạo nâng cấp bao gồm:

+ Các trục dọc gồm các tuyến đường: QL.1, QL.50; QL.60; QL.61; QL.61B; QL.80; QL.N1; QL.N2; QL.50B; ĐT.846; QL.60, QL.Quản Lộ - Phụng Hiệp; QL. 30B.

+ Các trục ngang gồm các tuyến đường: QL.62; QL.30; QL.53; QL.54; QL.63; QL.57; QL.91; QL.91B; QL.Nam sông Hậu (QL.91C); QL.62B; QL.62C; QL.80B.

- Xây mới các tuyến đường quốc lộ tránh đô thị và nâng cấp một số tuyến đường tỉnh quan trọng trong vùng lên quốc lộ gồm: QL.50 (tuyến tránh thị xã Gò Công), QL.60 (tuyến tránh thành phố Trà Vinh), QL.62B (đoạn Tân An - Gò Công), QL.62C (đoạn nối đường Hồ Chí Minh với đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Cà Mau), QL.80B (đoạn nối thành phố Sa Đéc - cửa khẩu Vĩnh Xương), QL.30B (đoạn nối huyện Tân Hồng, Đồng Tháp - QL.1A), đường tỉnh 846 (đoạn nối Cao Lãnh - Tiền Giang).



- Các tuyến quốc lộ đạt tiêu chuẩn đường cấp II, cấp III đồng bằng.

- Kết nối các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ trong vùng tạo thành mạng lưới liên hoàn và đấu nối với hệ thống đường cao tốc quốc gia góp phần nâng cao năng lực vận tải của mạng lưới đường bộ.

b) Đường thủy:

- Đường biển: Tập trung cải tạo nâng cấp luồng vào các cảng trên sông Hậu, sông Tiền, vùng bán đảo Cà Mau và ven biển Tây phù hợp với nhu cầu vận chuyển hàng hóa, hành khách của khu vực. Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị quản lý đảm bảo an toàn hàng hải trên các luồng vào cảng; chú trọng đối với tuyến hàng hải quốc tế đến Campuchia qua sông Tiền, sông Hậu.

- Đường thủy nội địa: Ưu tiên đầu tư phát triển các tuyến đường thủy nội địa kết nối thuận tiện và đồng bộ với giao thông đường bộ nhằm tăng cường năng lực giao thông vận tải trên toàn vùng. Các tuyến vận tải chính gồm:

+ Cấp đặc biệt: Gồm các tuyến: Cửa Tiểu - biên giới Campuchia (đoạn Cửa Tiểu - cửa khẩu Thường Phước, Đồng Tháp); sông Cổ Chiên (đoạn Kênh Trà Vinh - ngã ba Cổ Chiên); Cửa Định An - biên giới Campuchia (đoạn Cửa Định An - ngã ba Tân Châu, An Giang); Vũng Tàu - Thị Vải - Thành phố Hồ Chí Minh - Mỹ Tho - Cần Thơ (đoạn Bến Đình, Vũng Tàu - Mỹ Tho); sông Hàm Luông (đoạn ngã ba Sông Tiền - Cửa Hàm Luông).

+ Cấp I: Gồm các tuyến: Cửa Định An - biên giới Campuchia (đoạn Tân Châu - biên giới Campuchia); sông Cổ Chiên (đoạn cửa Cổ Chiên - ngã ba kênh Trà Vinh)

+ Cấp II: Gồm tuyến Vũng Tàu - Thị Vải - Thành phố Hồ Chí Minh - Mỹ Tho - Cần Thơ (đoạn Mỹ Tho - Cần Thơ)

+ Cấp III: Gồm các tuyến: Sài Gòn - Cà Mau, qua kênh Xà No (đoạn ngã ba kênh Tê - cảng Cà Mau); Sài Gòn - Kiên Lương, qua kênh Lấp Vò (đoạn ngã ba kênh Tê - Kiên Lương - Hà Tiên); duyên hải Sài Gòn - Cà Mau (đoạn ngã ba kênh Tê - cảng Đại Ngãi - Cà Mau); Sài Gòn - Kiên Lương, qua kênh Tháp Mười số 1 (đoạn ngã ba kênh Tê - Ba Hòn, Kiên Lương); Mộc Hóa - Hà Tiên (đoạn cảng Mộc Hóa - Hà Tiên); Kênh 28 - kênh Phước Xuyên (đoạn Cái Bè - Sa Rài, Đồng Tháp); Rạch Giá - Cà Mau (đoạn cảng Tắc Cậu - Cà Mau); Sài Gòn - Hà Tiên, qua kênh Tháp Mười số 2 (đoạn ngã ba kênh Tê - kênh Tri Tôn, Hậu Giang - kênh Tám Ngàn - Hà Tiên); Cần Thơ - Cà Mau, qua kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp.

- Cảng biển:

+ Định hướng đến năm 2030 tổng lượng hàng hóa qua cảng khoảng 66,5 - 71,5 triệu tấn/năm; trong đó hàng tổng hợp, container khoảng 21,7 - 26,2 triệu tấn/năm.

+ Cảng tổng hợp quốc gia đầu mối (loại I) gồm: Cảng Cần Thơ, cảng Hòn Khoai (Cà Mau); dự kiến sau năm 2030 hình thành cảng Bạc Liêu.

+ Cảng tổng hợp và chuyên dùng (loại II) tại các địa phương gồm:

. Khu vực sông Tiền gồm các cảng: Cao Lãnh, Sa Đéc (Đồng Tháp); Mỹ Tho (Tiền Giang); Vĩnh Thái (Vĩnh Long); Giao Long (Bến Tre).

. Khu vực sông Hậu gồm các cảng: Mỹ Thới (An Giang); Sông Hậu (Hậu Giang); Đại Ngãi (Sóc Trăng); Trà Cú (Trà Vinh).

. Khu vực bán đảo Cà mau và ven biển Tây gồm các cảng: Năm Căn (Cà Mau); Hòn Chông, Bãi Nò- Hà Tiên, Bình Trị - Kiên Lương, Rạch Giá, Bến Đầm, Dương Đông, An Thới, Mũi Đất Đỏ, Nam Du (Kiên Giang)

+ Hình thành và phát triển cảng chuyên dùng nhập than cho nhiệt điện tại Duyên Hải (Trà Vinh).

+ Tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện hệ thống cảng nội địa nhằm hỗ trợ giao thông đường bộ, tạo thành mạng lưới đan kết giao thông thủy – bộ liên hoàn.

c) Đường hàng không:

- Đến năm 2030, các cảng hàng không quốc tế: Cần Thơ, Phú Quốc đạt tiêu chuẩn cấp 4E (tiêu chuẩn của tổ chức hàng không quốc tế ICAO); các cảng hàng không nội địa: Cà Mau, Rạch Giá đạt tiêu chuẩn cấp 4C.

- Các sân bay quân sự hiện có hướng tới trở thành các sân bay phục vụ cứu hộ, quốc phòng.

d) Đường sắt:

Xây dựng và phát triển các tuyến đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ và Cần Thơ - Cà Mau tuân thủ theo Quyết định số 1468/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải đường sắt Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

đ) Giao thông đô thị và nông thôn:

- Giao thông đô thị:

+ Xây dựng hệ thống giao thông đô thị đồng bộ với các quy hoạch chuyên ngành khác và theo quy hoạch chung xây dựng của các đô thị, đảm bảo diện tích đất giao thông trên diện tích đất xây dựng đô thị đạt tỷ lệ theo



quy chuẩn cho các đô thị trong vùng. Bố trí đủ diện tích đất dành cho giao thông tĩnh và các công trình đầu mối; chỉ tiêu về mật độ mạng đường trong đô thị (tỷ lệ giữa tổng chiều dài các tuyến đường trên diện tích đất xây dựng đô thị) đảm bảo theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành. Phát triển hệ thống giao thông đô thị bền vững trên cơ sở hình thành và kết nối đồng bộ hệ thống giao thông đường thủy, đường bộ.

+ Tổ chức hệ thống giao thông đô thị tách biệt với giao thông đối ngoại thông qua đường tránh, đường vành đai, đường gom và hệ thống nút giao thông. Hạn chế tối đa các tuyến quốc lộ đi xuyên qua trung tâm đô thị.

+ Tổ chức mạng lưới giao thông công cộng cho các đô thị: Việc lựa chọn loại hình vận tải hành khách công cộng cần khai thác tối đa đặc điểm tự nhiên của các đô thị trong vùng; ưu tiên xây dựng phát triển đa dạng các loại hình vận tải hành khách công cộng gồm: taxi thủy, xe bus nội vùng kết nối giữa Cần Thơ và các đô thị tỉnh lỵ trong vùng; tăng cường phát triển các loại hình giao thông công cộng sử dụng năng lượng sạch, thân thiện với môi trường; hạn chế và từng bước giảm sử dụng phương tiện giao thông cá nhân.

- Giao thông nông thôn:

+ Đầu tư phát triển hệ thống giao thông nông thôn trong vùng đảm bảo các tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Mạng lưới giao thông nông thôn kết nối liên thông với các tuyến tỉnh lộ, quốc lộ đáp ứng nhu cầu về vận tải và hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

+ Phát huy lợi thế về địa lý và điều kiện tự nhiên của địa phương, kết hợp giữa giao thông với thủy lợi, nông lâm nghiệp và các ngành kinh tế khác, đảm bảo khả năng lưu thông hiệu quả.

+ Xây dựng và cải tạo các tuyến giao thông nông thôn hiện hữu, đảm bảo lưu thông thông suốt, chất lượng mặt đường và các công trình trên đường đảm bảo theo tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.

8. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác:

a) Định hướng cao độ nền và thoát nước mặt

- Phân vùng các khu vực chịu ảnh hưởng ngập lụt:

+ Khu vực 1: Là khu vực bị ngập sâu do tác động của lũ sông Mê Kông với chiều sâu ngập lũ trung bình từ 2 m trở lên, nằm ở phía Bắc dọc theo biên giới Việt Nam - Campuchia, gồm phần lớn diện tích của vùng Đồng Tháp Mười và Tứ giác Long Xuyên, thuộc các khu vực thuộc các tỉnh: Long An, Đồng Tháp, An Giang.

+ Khu vực 2: Là khu vực bị ngập trung bình do tác động của lũ sông Mêkông với chiều sâu ngập lũ trung bình khoảng 1 m - 2 m, trên địa bàn các tỉnh: Long An, Tiền Giang, Vĩnh Long, Cần Thơ.

+ Khu vực 3: Là khu vực bị ngập nông do tác động của cả lũ và triều cường, gồm các khu vực thuộc các tỉnh: Long An, Tiền Giang, Vĩnh Long, Cần Thơ và Hậu Giang.

+ Khu vực 4: Là khu vực ven biển chịu ảnh hưởng của thủy triều.

- Cao độ nền đất xây dựng:

+ Đối với các đô thị tại khu vực 1,2: Hạn chế san lấp, phát triển đô thị tập trung với quy mô diện tích lớn, khuyến khích phát triển theo tuyến song song với hướng thoát lũ nhằm giảm tác động của lũ đến đô thị. Tại các khu vực đô thị xây dựng mật độ cao, san lấp tập trung toàn bộ khu vực xây dựng kết hợp đê bao chống lũ; tại các khu vực nông thôn, xây dựng mật độ thấp, san lấp cục bộ theo vị trí từng công trình, dành quỹ đất đào hồ, kết nối kênh rạch để đảm bảo tiêu thoát nước.

+ Đối với các đô thị tại khu vực 3: Các đô thị khuyến khích phát triển tập trung theo hình thái đô thị nén; dành quỹ đất đào hồ, kết nối kênh rạch để đảm bảo tiêu thoát nước.

+ Đối với các đô thị tại khu vực 4: Phát triển đô thị tại các khu vực đất giồng, bãi bồi cao ở ven sông, ven biển. Tại các khu vực đô thị xây dựng mật độ cao, san lấp tập trung toàn bộ khu vực xây dựng; các khu vực nông thôn, xây dựng mật độ thấp, san lấp cục bộ theo vị trí từng công trình, dành quỹ đất đào hồ, kết nối kênh rạch, đảm bảo tiêu thoát nước.

+ Đối với các khu cây xanh, khu ở mật độ thấp, tính toán tần suất cho phép ngập phù hợp theo quy phạm nhằm giảm khối lượng, diện tích đào đắp, đảm bảo tiêu thoát nước hiệu quả.

- Thoát nước mặt:

+ Đối với các khu đô thị mới xây dựng hệ thống thoát nước riêng nhằm tái sử dụng nước mưa, tiết kiệm trong đầu tư xử lý nước thải. Đối với đô thị cũ, cải tạo xây dựng hệ thống thoát nước chung và chọn giải pháp công bao có hồ tách dòng để thu gom nước thải dẫn tới trạm xử lý nước thải tập trung của đô thị, từng bước tách dần hệ thống thoát nước thải riêng biệt với nước mưa.

+ Cải tạo, mở rộng kênh rạch và xây dựng hồ điều hoà trong khu vực nội thành, bảo vệ khôi phục các không gian xanh ven các kênh, rạch, sông suối hiện hữu.

- Phòng chống lũ, ngập úng:

Thực hiện việc phòng chống lũ theo quy hoạch chuyên ngành và quy hoạch chống ngập của từng địa phương. Xây dựng các công trình kiểm soát dòng chảy lũ, các tuyến đê bao chống lũ, hệ thống hồ chứa trạm bơm và công ngăn triều.

- Phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển:

+ Tổ chức quan trắc, cảnh báo vùng có nguy cơ xảy ra sạt lở cao. Kiểm soát, hạn chế việc khai thác cát trên sông; nạo vét lòng sông để điều tiết dòng chảy của lũ để đảm bảo không bị ảnh hưởng tới lòng sông.

+ Có biện pháp bảo vệ rừng phòng hộ đầu nguồn dọc biên giới Việt Nam

- Campuchia để giữ nước, giảm tốc độ dòng chảy, phòng chống lũ gây xói lở phá hủy mặt phủ tự nhiên.

b) Cấp nước

- Tổ chức hệ thống cấp nước đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt và sản xuất trong vùng theo quy chuẩn hiện hành. Đảm bảo an toàn cấp nước, phù hợp với điều kiện hiện tại và tương lai, giảm tối đa thất thoát nước.

- Nguồn nước cấp trong vùng chủ yếu sử dụng nước mặt từ hệ thống sông Tiền, sông Hậu. Hạn chế sử dụng nguồn nước ngầm để cấp nước, chỉ sử dụng nước ngầm để cấp nước cho những khu vực phân tán có khó khăn về nguồn nước mặt, những khu dân cư nông thôn với quy mô nhỏ xa mạng lưới cấp nước của vùng.

- Nhu cầu dùng nước: Tổng nhu cầu dùng nước tới năm 2030 khoảng 3.270.000 m³/ngày đêm, trong đó: Nhu cầu dùng nước khu vực đô thị khoảng 1.890.000 m³/ngày đêm; nhu cầu dùng nước khu vực nông thôn tập trung khoảng 750.000 m³/ngày đêm; nhu cầu dùng nước công nghiệp khoảng 630.000 m³/ngày đêm.

- Mạng lưới cấp nước được xác định trên cơ sở nâng cấp các nhà máy nước hiện hữu, xây dựng mới nhà máy nước nhằm đáp ứng nhu cầu cấp nước tại các đô thị có thuận lợi về nguồn nước. Tại các khu vực ven biển không có khả năng khai thác nước mặt như Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Trà Vinh,... xây dựng nhà máy nước cấp vùng với quy mô hợp lý trên biển mặn. Tại các khu vực đã đầu tư xây dựng nhà máy nước công suất lớn cho đô thị, có hồ chứa nước như Kiên Giang, Long An,... xây dựng tuyến ống dẫn nước thô hoặc dẫn nước theo hệ thống kênh mương thủy lợi nhằm giảm việc tập trung xây dựng nhà máy nước lớn dọc hai bên sông Tiền và Sông Hậu. Bổ sung

thêm nước sạch từ nhà máy nước cấp vùng cho các khu vực có nhu cầu tiêu thụ nước lớn. Những khu vực nhà máy nước tại các đô thị lớn bị nhiễm mặn vào mùa khô cần xác định vị trí đặt trạm bơm trên biên mặn theo từng kịch bản biến đổi khí hậu.

- Các nhà máy nước cấp vùng gồm: Sông Tiên I (Tiền Giang) công suất 300.000 m³/ngày đêm; Sông Tiên II (Vĩnh Long) công suất 300.000 m³/ngày đêm; cụm nhà máy nước sông Hậu 1 (Cần Thơ) và nhà máy nước Sông Hậu (Hậu Giang) công suất 600.000 m³/ngày đêm; Sông Hậu II (An Giang) công suất 300.000 m³/ngày đêm; Sông Hậu III (An Giang) công suất 150.000 m³/ngày đêm;

c) Cấp điện

- Xây dựng mới và cải tạo mạng lưới điện trong vùng hòa với mạng lưới điện quốc gia đảm bảo đáp ứng cung cấp điện cho sinh hoạt, sản xuất của vùng theo quy hoạch phát triển điện của ngành (tổng sơ đồ VII) và quy hoạch phát triển của các địa phương trong vùng. Đảm bảo cung cấp điện đầy đủ, liên tục, an toàn trong hiện tại và tương lai. Chú trọng phát triển nguồn năng lượng tự nhiên, năng lượng tái tạo thân thiện với môi trường.

- Tổng nhu cầu cấp điện toàn vùng đến năm 2030 khoảng 9.681 MW (trong đó: Khu vực đô thị khoảng 7.019 MW; công nghiệp khoảng 3.504 MW).

- Nguồn điện:

+ Các nhà máy hiện hữu: Trà Nóc (193,5 MW), Ô Môn (600 MW), Cà Mau (1.500 MW), điện gió Bạc Liêu (99 MW).

+ Các nhà máy điện dự kiến: Duyên Hải (4.400 MW), Hậu Giang (5.200 MW), Long Phú (3.600 MW), Kiên Giang (4.400 MW), Long An (1.200 MW), An Giang (2.000 MW).

+ Các khu điện gió tại các tỉnh Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bến Tre.

- Lưới điện:

+ Lưới điện 500 kV:

. Cải tạo nâng công suất các trạm 500 kV hiện hữu: Ô Môn, Mỹ Tho, Trà Vinh. Xây dựng mới các trạm 500 kV: Đức Hòa, Thốt Nốt, Hậu Giang, Sóc Trăng, Kiên Giang .

. Các tuyến 500 kV hiện hữu: Phú Lâm - Mỹ Tho - Ô Môn, Nhà Bè - Mỹ Tho - nhiệt điện Duyên Hải. Xây dựng mới các tuyến 500 kV: Đức Hòa - Thốt Nốt, Thốt Nốt - Kiên Giang, Thốt Nốt - Ô Môn - Sóc Trăng, Đức Hòa - Mỹ Tho, Mỹ Tho - Hậu Giang.

+ Các loại năng lượng tái tạo: Phát triển năng lượng gió tại khu vực ven biển Đông; phát triển hệ thống năng lượng mặt trời, năng lượng sinh khối trên toàn vùng.

d) Thông tin liên lạc:

- Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng thông tin liên lạc hiện đại, an toàn có dung lượng lớn, tốc độ cao, vùng phủ sóng rộng, xây dựng thành phố Cần Thơ trở thành trung tâm dịch vụ viễn thông chất lượng cao của toàn vùng.

- Dịch vụ thông tin liên lạc có chất lượng tốt, đáp ứng nhu cầu đa dạng của người sử dụng dịch vụ.

- Từng bước thực hiện cáp quang hóa toàn vùng với công nghệ hiện đại, công nghệ truyền dẫn tiên tiến đối với mạng truyền dẫn liên tỉnh, nội tỉnh, nội hạt. Phát triển thông tin di động theo hướng tăng dung lượng, mở rộng và nâng cao chất lượng vùng phủ sóng.

- Ứng dụng rộng rãi và hiệu quả công nghệ thông tin trong quản lý Nhà nước, các ngành kinh tế, các lĩnh vực xã hội, văn hóa và an ninh quốc phòng.

đ) Thoát nước và xử lý nước thải:

- Tổng lượng nước thải toàn vùng đến năm 2030 là 1.735.243 m³/ngày trong đó: Nước thải tại các đô thị khoảng 968.823 m³/ngày; nước thải tại các khu công nghiệp khoảng 460.800 m³/ngày.

- Tất cả các đô thị loại V trở lên và các khu công nghiệp, cụm công nghiệp ở khu vực thượng nguồn sông Tiền, Sông Hậu, từ biên mặn trở lên phải xây dựng khu xử lý nước thải đạt theo tiêu chuẩn hiện hành cho nước thải sinh hoạt và theo tiêu chuẩn hiện hành đối với nước thải công nghiệp trước khi xả ra sông. Các đô thị nằm ngoài khu vực bảo vệ nguồn nước mặt sông Tiền Sông Hậu phải xây dựng khu xử lý nước thải đạt theo tiêu chuẩn hiện hành đối với nước thải sinh hoạt và theo tiêu chuẩn hiện hành đối với nước thải công nghiệp trước khi xả ra sông. Các bãi chôn lấp rác, các khu liên hiệp xử lý rác nằm ở khu vực thượng nguồn sông Hậu, sông Tiền (từ biên mặn trở lên) phải xây dựng khu xử lý nước rỉ rác đạt theo tiêu chuẩn hiện hành.

- Giải pháp quy hoạch:

+ Các đô thị: Áp dụng công nghệ xử lý nước thải hiện đại cho các đô thị, đặc biệt là các đô thị tỉnh lỵ và thành phố Cần Thơ. Các khu đô thị hiện hữu giữ hệ thống cống chung, xây dựng các tuyến cống bao tách dòng để thu nước thải về trạm xử lý, từng bước xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng. Các khu vực xây dựng mới phải xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng.

+ Khu vực nông thôn: Các thị tứ, cụm dân cư nông thôn tập trung xây dựng hệ thống thoát nước chung (nước mưa và nước thải). Xử lý nước thải bằng sinh học tự nhiên tại các hồ, kênh rạch.

+ Khu, cụm công nghiệp: Hệ thống thoát nước mưa và nước thải riêng, xây dựng trạm xử lý nước thải và làm sạch đạt tiêu chuẩn theo Quy chuẩn Việt Nam QCVN40/2011 trước khi xả ra môi trường.

e) Xử lý chất thải rắn và nghĩa trang

- Xử lý chất thải rắn

+ Tổng lượng chất thải rắn toàn vùng đến năm 2030 khoảng 19.424 tấn/ngày, trong đó: Chất thải rắn sinh hoạt đô thị khoảng 7.076 tấn/ngày; chất thải rắn công nghiệp 4.800 tấn/ngày.

+ Việc thu gom và xử lý chất thải rắn thực hiện theo quy mô vùng tỉnh. Xây dựng khu xử lý chất thải rắn phục vụ trong phạm vi vùng tỉnh với cự ly vận chuyển < 40 km; quy mô 40 – 50 ha để thu gom và xử lý chất thải rắn cho các thành phố, thị xã. Trong khu xử lý chất thải rắn của các tỉnh cần quy hoạch các ô chôn lấp chất thải rắn độc hại theo quy chế quản lý chất thải nguy hại. Tại các huyện, xây dựng khu xử lý chất thải rắn phục vụ trong phạm vi vùng huyện, cự ly vận chuyển < 20 km, quy mô 10 - 20 ha để thu gom và xử lý rác cho các thị trấn và khu vực nông thôn.

- Nghĩa trang: Xây dựng nghĩa trang theo quy mô vùng tỉnh, vùng huyện phù hợp với phòng tục, tập quán địa phương.

9. Đánh giá môi trường chiến lược:

a) Các giải pháp tổng thể phòng ngừa, giảm thiểu, khắc phục tác động và rủi ro:

- Phát triển và phục hồi hệ sinh thái, đa dạng sinh học để phát triển vùng bền vững và thích ứng. Xây dựng quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch không gian trên cơ sở tiếp cận hệ sinh thái và bảo tồn; thiết lập các vùng đệm, quản lý thủy văn, bảo vệ thổ nhưỡng; trồng rừng phòng hộ ven biển diện rộng, thực hiện các chương trình lấn biển kết hợp trồng rừng ngập mặn.

- Quản lý nước tổng hợp và tăng cường an ninh nguồn nước. Quy hoạch các hồ, bầu nước tự nhiên, chủ động trữ nước và điều tiết nước trong vùng, sử dụng tuần hoàn và tiết kiệm. Đa dạng nguồn cấp nước để chủ động nguồn nước ngọt phục vụ sinh hoạt và sản xuất; tăng cường sử dụng nước mưa và tái phục hồi nguồn nước ngầm.

- Phát triển kinh tế trên cơ sở quản lý và sử dụng tài nguyên hiệu quả; tăng cường áp dụng công nghệ, khoa học kỹ thuật để tiết kiệm nước, năng lượng và bảo vệ đất đai trong sản xuất nông nghiệp, phát triển đô thị. Phát triển đồng bộ hệ thống giao thông thủy, bộ đảm bảo nhu cầu vận tải và sử dụng tài nguyên hiệu quả.

- Giảm thiểu ô nhiễm trong quá trình phát triển đô thị thông qua hiện đại hóa công nghệ xử lý nước thải, chất thải rắn, tăng cường tái chế rác thải. Bảo vệ các vùng cảnh quan tự nhiên và các không gian xanh cấp vùng và đô thị. Xử lý triệt để chất thải, kiểm soát và giám sát ô nhiễm môi trường đô thị, nông thôn và các khu công nghiệp trong quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng. Đối với các khu xử lý chất thải rắn, ưu tiên dự án có công nghệ xử lý tiên tiến, hiện đại. Nước thải sinh hoạt đô thị, công nghiệp phải được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra môi trường.

- Phát triển năng lượng sạch, tái tạo, từng bước chuyển đổi sử dụng năng lượng hóa thạch sang năng lượng tái tạo, có tính bền vững.

b) Chương trình, kế hoạch giám sát môi trường về kỹ thuật, quản lý và quan trắc:

- Xây dựng chương trình quản lý tổng hợp các lưu vực trên hệ thống sông Tiền, sông Hậu.

- Xây dựng chương trình kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải phát sinh từ các đô thị, khu, cụm công nghiệp, giao thông vận tải,...

- Xây dựng hệ thống giám sát chất lượng môi trường vùng, hệ thống quan trắc, cảnh báo sớm tác động của biến đổi khí hậu như: Cảnh báo mực nước biển, nước sông dâng lên bất thường, hạn hán kéo dài.

Khung cơ chế chính sách phát triển vùng:

Từng bước nghiên cứu xây dựng các chính sách phát triển vùng, trong đó tập trung vào 06 nhóm chính sách sau:

- Liên kết chia sẻ giữa các địa phương trong vùng về đầu tư, khai thác các cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

- Phát triển đô thị, công nghiệp và sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả.

- Tài chính hỗ trợ phát triển hạ tầng vùng.

- Phát triển nguồn nhân lực tạo sự cân bằng, hài hòa lực lượng sản xuất trong vùng.

- Phát triển nông thôn, sản xuất nông nghiệp.

- Cơ chế chính sách đặc thù cho Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư:

Ưu tiên phát triển các dự án trọng điểm cấp quốc gia và vùng, làm động lực chính phát triển lan tỏa đến các tiểu vùng trong vùng. Tập trung ưu tiên đầu tư các dự án có vai trò tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội cho vùng và các tỉnh trong vùng theo từng lĩnh vực cụ thể:

- Về hạ tầng kỹ thuật: Ưu tiên phát triển hạ tầng kỹ thuật khung kết nối với quốc tế, quốc gia và vùng như: Các tuyến đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương - Cần Thơ - Cà Mau; Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu; Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng; các tuyến vận tải thủy, cảng biển cấp I, II. Phát triển các công trình thủy lợi để hình thành vùng quản lý ngập và trữ nước ngọt tại Đồng Tháp Mười và Tứ giác Long Xuyên; các dự án thủy lợi, phòng chống lũ ngăn xâm nhập mặn liên tỉnh. Xây mới và nâng cấp các nhà máy nước cấp vùng gồm cụm nhà máy nước vùng liên tỉnh Sông Hậu 1 và Sông Hậu, Sông Hậu 2, Sông Tiền 2.

- Về hạ tầng xã hội: Đầu tư các dự án trọng điểm về y tế, giáo dục và đào tạo, văn hóa - thể dục thể thao cấp vùng tại thành phố Cần Thơ và các đô thị trọng điểm của các tiểu vùng.

- Về thương mại - dịch vụ, khoa học công nghệ, du lịch: Ưu tiên đầu tư các dự án lớn tại các tiểu vùng, gắn với các đầu mối giao thông quan trọng.

- Về phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn: Ưu tiên đầu tư khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Phát triển các vùng chuyên canh quy mô, vùng lúa chất lượng cao, cây ăn trái, nuôi trồng thủy sản có giá trị kinh tế cao.

Điều 2. Trách nhiệm phối hợp và tổ chức thực hiện:

1. Mô hình quản lý phát triển vùng:

Thành lập Ban Chỉ đạo trực thuộc Chính phủ, là cơ quan tư vấn giúp Thủ tướng Chính phủ trong chỉ đạo, điều hành phát triển vùng đồng bằng sông Cửu Long; Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ tổ chức, phối hợp giữa các bộ, ngành Trung ương và các địa phương trong vùng để triển khai thực hiện theo đồ án Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

2. Giao các bộ, ngành:

- Bộ Xây dựng: Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Quy hoạch; tổ chức rà soát, điều chỉnh quy hoạch theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Phối hợp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong vùng theo dõi việc triển khai thực hiện quy hoạch. Đề xuất

danh mục các quy hoạch xây dựng nhằm triển khai cụ thể hóa Quy hoạch, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định. Phối hợp với Bộ Nội vụ trong việc đề xuất thành lập Ban Chỉ đạo và Hội đồng vùng.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan xác định danh mục các dự án đầu tư, xây dựng các cơ chế chính sách về tài chính để huy động nguồn lực đầu tư cho các công trình hạ tầng kỹ thuật kinh tế - xã hội trọng điểm của vùng.

- Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo: Phối hợp với các bộ, ngành và địa phương lập kế hoạch, giải pháp, cơ chế chính sách phát triển hạ tầng xã hội vùng theo chức năng nhiệm vụ nhằm chia sẻ cơ hội hưởng lợi từ dịch vụ y tế, giáo dục và đào tạo cho các tỉnh của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Bộ Giao thông vận tải: Tập trung triển khai các dự án hạ tầng giao thông trọng điểm của Vùng, ưu tiên phát triển các tuyến đường cao tốc, đường thủy, cảng biển gắn với các đô thị trọng điểm của vùng.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường: Phối hợp với Bộ Xây dựng và các bộ, ngành và địa phương lập điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phù hợp với quy hoạch được duyệt.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, các địa phương rà soát các quy hoạch phòng chống lũ và xâm nhập mặn theo hướng điều chỉnh bổ sung chức năng sử dụng đất, khai thác hiệu quả quỹ đất và cảnh quan dọc sông để phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo an toàn phòng chống lũ. Ban hành hướng dẫn khai thác quỹ đất khu vực hành lang ven sông, ven biển

- Bộ Nội vụ:

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng, các địa phương trong Vùng đề xuất thành lập Ban Chỉ đạo.

- Phối hợp với các bộ, ngành và các địa phương nghiên cứu rà soát, điều chỉnh, bổ sung, các văn bản pháp luật về thể chế chính sách và cơ chế điều hành, chỉ đạo phát triển vùng.

- Các bộ, ngành theo các chức năng nhiệm vụ xây dựng hoặc điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch, các chiến lược phát triển ngành phù hợp với Quy hoạch được duyệt.

- Tổ chức rà soát, điều chỉnh các quy hoạch liên quan thuộc trách nhiệm của từng tỉnh, thành phố và triển khai thực hiện theo các chương trình dự án sau khi Quy hoạch này được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ, Nội vụ, Y tế, Quốc phòng; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố: Cần Thơ, Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Trà Vinh, Hậu Giang, An Giang, Sóc Trăng, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Công Thương, Giáo dục và Đào tạo, Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quốc phòng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nội vụ, Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Y tế, Khoa học và Công nghệ;
- Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ;
- UBND tỉnh, thành phố: Cần Thơ, Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Trà Vinh, Hậu Giang, An Giang, Sóc Trăng, Kiên Giang, Bạc Liêu và Cà Mau;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ: TH, NN, KTTH, QHĐP, NC, KGVX;
- Lưu: VT, CN (2).KN 38

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trịnh Đình Dũng